

ĐIỂM THI HỌC KÌ 2 - PHẦN TRẮC NGHIỆM
KHỐI 12

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
1	000001	Lê Hồng Ân	12A1	103	19	3.8	124	24	4.2	218	14	3.5	124	22	5.5	104	24	4.8	334	25	5.36	222	15	3.75	333	13	3.25
2	000002	Bùi Quốc Anh	12A1	104	10	2	122	15	2.63	416	7	1.75	122	24	6	102	19	3.8	345	11	2.36	111	9	2.25	444	10	2.5
3	000006	Võ Tuấn Anh	12A1	102	25	5	122	23	4.03	218	19	4.75	122	24	6	102	27	5.4	312	27	5.79	444	19	4.75	444	17	4.25
4	000016	Nguyễn Ngọc Diệp	12A1	102	20	4	121	28	4.9	317	17	4.25	121	24	6	104	28	5.6	323	22	4.71	222	20	5	222	18	4.5
5	000019	Trần Quốc Duy	12A1	103	20	4	121	31	5.43	317	22	5.5	123	21	5.25	102	28	5.6	345	26	5.57	111	19	4.75	111	15	3.75
6	000021	Nguyễn Thị Hồng Đào	12A1	101	20	4	122	26	4.55	218	13	3.25	122	16	4	101	22	4.4	345	22	4.71	222	16	4	222	12	3
7	000031	Phan Lê Ngọc Hải	12A1	101	22	4.4	121	23	4.03	218	20	5	121	18	4.5	103	22	4.4	323	21	4.5	111	13	3.25	444	13	3.25
8	000039	Nguyễn Phúc Thảo Hiền	12A1	101	22	4.4	121	29	5.08	119	22	5.5	121	24	6	102	28	5.6	345	28	6	222	22	5.5	333	16	4
9	000040	Bùi Thanh Hiệp	12A1	102	14	2.8	122	18	3.15	317	15	3.75	123	18	4.5	101	18	3.6	312	15	3.21	111	9	2.25	222	11	2.75
10	000043	Cao Gia Hoàng	12A1	101	23	4.6	123	28	4.9	218	24	6	121	23	5.75	102	29	5.8	334	27	5.79	222	19	4.75	333	16	4
11	000048	Trần Nhật Huy	12A1	104	19	3.8	124	23	4.03	218	18	4.5	123	22	5.5	104	23	4.6	312	14	3	444	14	3.5	333	15	3.75
12	000054	Nguyễn Hồ Quốc Khánh	12A1	102	19	3.8	122	22	3.85	416	14	3.5	121	19	4.75	101	25	5	334	11	2.36	111	15	3.75	444	15	3.75
13	000055	Phạm Thái Khôi	12A1	103	21	4.2	123	19	3.33	317	19	4.75	124	18	4.5	103	22	4.4	323	22	4.71	111	15	3.75	444	15	3.75
14	000058	Cao Tuấn Kiệt	12A1	102	23	4.6	122	24	4.2	218	20	5	123	20	5	103	18	3.6	312	25	5.36	222	18	4.5	222	13	3.25
15	000059	Phan Anh Kiệt	12A1	103	21	4.2	123	15	2.63	119	15	3.75	122	22	5.5	101	23	4.6	345	21	4.5	333	11	2.75	222	12	3
16	000072	Nguyễn Quỳnh Thảo My	12A1	101	22	4.4	121	27	4.73	218	12	3	124	17	4.25	102	17	3.4	334	8	1.71	111	10	2.5	222	7	1.75
17	000076	Nguyễn Trung Hiếu Nam	12A1	103	19	3.8	124	24	4.2	416	12	3	124	21	5.25	102	22	4.4	345	25	5.36	111	19	4.75	222	15	3.75
18	000077	Võ Hoàng Nam	12A1	104	15	3	121	23	4.03	317	12	3	123	21	5.25	103	29	5.8	334	24	5.14	222	18	4.5	111	18	4.5
19	000079	Nguyễn Thanh Thanh Ngân	12A1	104	13	2.6	121	21	3.68	317	20	5	121	17	4.25	102	28	5.6	312	25	5.36	333	17	4.25	222	15	3.75
20	000085	Trần Nguyễn Bảo Nghi	12A1	104	24	4.8	122	28	4.9	317	21	5.25	123	22	5.5	101	28	5.6	334	16	3.43	444	19	4.75	333	13	3.25
21	000088	Tiểu Hồng Bảo Ngọc	12A1	101	18	3.6	123	33	5.78	119	14	3.5	123	19	4.75	104	18	3.6	323	11	2.36	333	11	2.75	444	17	4.25
22	000089	Trần Thị Bích Ngọc	12A1	102	19	3.8	121	22	3.85	218	9	2.25	122	22	5.5	101	25	5	312	22	4.71	444	14	3.5	333	16	4
23	000091	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	12A1	102	15	3	124	26	4.55	119	21	5.25	122	22	5.5	104	28	5.6	345	28	6	111	18	4.5	222	18	4.5
24	000095	Nguyễn Trọng Nhân	12A1	104	24	4.8	124	27	4.73	119	22	5.5	123	24	6	101	30	6	323	26	5.57	111	18	4.5	222	18	4.5
25	000098	Phan Ý Nhi	12A1	101	18	3.6	123	24	4.2	416	22	5.5	121	21	5.25	101	29	5.8	312	28	6	111	18	4.5	222	16	4
26	000099	Trần Thị Yến Nhi	12A1	102	16	3.2	121	28	4.9	119	17	4.25	124	18	4.5	103	26	5.2	334	22	4.71	111	17	4.25	222	10	2.5
27	000100	Nguyễn Thành Nhơn	12A1	103	26	5.2	123	25	4.38	218	20	5	122	23	5.75	102	28	5.6	312	28	6	222	20	5	444	18	4.5
28	000107	Huỳnh Thanh Phúc	12A1	102	19	3.8	124	30	5.25	119	18	4.5	122	24	6	101	28	5.6	312	22	4.71	333	19	4.75	333	15	3.75
29	000108	Lâm Hoàng Phúc	12A1	103	20	4	122	27	4.73	218	18	4.5	124	19	4.75	103	25	5	334	19	4.07	333	16	4	333	15	3.75
30	000113	Nguyễn Quang Quân	12A1	104	14	2.8	124	17	2.98	218	13	3.25	121	17	4.25	102	18	3.6	334	19	4.07	444	15	3.75	111	13	3.25
31	000114	Từ Nguyễn Anh Thúy Quy	12A1	101	26	5.2	123	22	3.85	218	21	5.25	124	21	5.25	103	21	4.2	323	28	6	111	18	4.5	222	10	2.5
32	000122	Lê Nguyễn Thành Tài	12A1	102	24	4.8	121	27	4.73	218	20	5	124	17	4.25	103	27	5.4	323	26	5.57	222	16	4	222	13	3.25
33	000125	Lê Ngọc Thạch	12A1	101	18	3.6	124	29	5.08			Vắng	123	23	5.75	103	28	5.6	345	27	5.79	333	20	5	444	19	4.75
34	000134	Trần Thị Minh Thư	12A1	102	23	4.6	123	30	5.25	119	21	5.25	121	24	6	101	30	6	312	26	5.57	444	14	3.5	333	17	4.25
35	000138	Đinh Thị Anh Thư	12A1	104	28	5.6	124	26	4.55	317	24	6	124	24	6	103	30	6	334	28	6	222	20	5	444	17	4.25
36	000140	Phạm Đỗ Anh Thy	12A1	104	15	3	122	23	4.03	317	16	4	121	22	5.5	104	18	3.6	312	23	4.93	333	18	4.5	333	15	3.75
37	000143	Võ Thị Thủy Tiên	12A1	101	24	4.8	121	24	4.2	416	18	4.5	121	22	5.5	101	24	4.8	334	27	5.79	444	15	3.75	444	16	4

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
38	000150	Ngô Thị Thu Trang	12A1	103	17	3.4	124	23	4.03	218	21	5.25	122	22	5.5	101	30	6	345	28	6	111	21	5.25	111	17	4.25
39	000151	Nguy Ngọc Bảo Trâm	12A1	101	20	4	121	25	4.38	416	24	6	121	23	5.75	103	28	5.6	334	28	6	222	21	5.25	222	15	3.75
40	000152	Nguyễn Thị Bích Trâm	12A1	103	21	4.2	122	29	5.08	218	18	4.5			Vắng	102	28	5.6	323	26	5.57	111	14	3.5	222	13	3.25
41	000158	Trần Xuân Trường	12A1	103	26	5.2	121	33	5.78	416	23	5.75	121	23	5.75	101	30	6	345	28	6	444	23	5.75	111	17	4.25
42	000160	Phan Quốc Tú	12A1	101	26	5.2	122	23	4.03	317	22	5.5	123	23	5.75	102	29	5.8	323	28	6	222	19	4.75	222	20	5
43	000166	Đỗ Hoàng Duy Uyên	12A1	103	19	3.8	124	22	3.85	218	20	5	122	22	5.5	103	24	4.8	334	28	6	111	16	4	333	14	3.5
44	000167	Đào Nguyễn Phương Uyên	12A1	104	17	3.4	121	22	3.85	119	20	5	121	20	5	102	29	5.8	312	23	4.93	222	20	5	222	14	3.5
45	000170	Nguyễn Quang Vinh	12A1	102	23	4.6	124	23	4.03	218	18	4.5	122	23	5.75	103	22	4.4	323	19	4.07	333	16	4	111	9	2.25
46	000173	Lê Nguyễn Tường Vy	12A1	103	23	4.6	121	24	4.2	317	23	5.75	123	23	5.75	101	28	5.6	312	26	5.57	111	20	5	111	16	4
47	000007	Võ Nguyễn Trâm Anh	12A2	101	22	4.4	121	27	4.73	317	22	5.5	123	22	5.5	103	29	5.8	345	28	6	222	19	4.75	444	19	4.75
48	000010	Nguyễn Thị Chúc	12A2	104	14	2.8	123	23	4.03	119	15	3.75	122	19	4.75	102	22	4.4	312	26	5.57	222	11	2.75	444	13	3.25
49	000011	Phạm Hoàng Chương	12A2	103	17	3.4	121	29	5.08	317	12	3	123	15	3.75	103	17	3.4	345	19	4.07	444	14	3.5	333	17	4.25
50	000013	Hứa Trí Cường	12A2	101	10	2	122	26	4.55	119	7	1.75	124	17	4.25	101	12	2.4	334	19	4.07	222	10	2.5	222	12	3
51	000023	Lê Thị Hồng Đào	12A2	104	20	4	121	26	4.55	218	21	5.25	121	19	4.75	103	30	6	345	28	6	111	21	5.25	444	17	4.25
52	000024	Trần Tấn Đạt	12A2	102	22	4.4	122	24	4.2	317	21	5.25	123	16	4	104	26	5.2	312	28	6	222	19	4.75	111	16	4
53	000026	Lê Huỳnh Đức	12A2	104	23	4.6	124	26	4.55	119	22	5.5	124	13	3.25	103	24	4.8	345	22	4.71	333	15	3.75	444	14	3.5
54	000030	Nguyễn Thanh Thiên Hải	12A2	104	20	4	124	24	4.2	119	18	4.5	122	13	3.25	103	21	4.2	334	9	1.93	333	18	4.5	444	17	4.25
55	000037	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	12A2	103	25	5	123	26	4.55	416	20	5	124	21	5.25	101	26	5.2	345	25	5.36	333	20	5	222	18	4.5
56	000041	Huỳnh Ngọc Hiền	12A2	103	19	3.8	121	25	4.38	416	18	4.5	122	16	4	101	22	4.4	334	23	4.93	333	16	4	222	14	3.5
57	000042	Tạ Thị Hoa	12A2	104	23	4.6	122	22	3.85	119	19	4.75	124	12	3	102	21	4.2	312	28	6	444	19	4.75	333	14	3.5
58	000045	Dương Thị Thu Hương	12A2	101	20	4	121	22	3.85	119	14	3.5	122	14	3.5	102	17	3.4	345	19	4.07	444	17	4.25	444	14	3.5
59	000046	Nguyễn Minh Huy	12A2	102	28	5.6	124	27	4.73	218	23	5.75	123	23	5.75	101	27	5.4	312	28	6	111	22	5.5	111	17	4.25
60	000051	Quách Diễm Hương	12A2	103	23	4.6	123	32	5.6	317	21	5.25	124	21	5.25	103	25	5	323	28	6	111	19	4.75	444	15	3.75
61	000052	Nguyễn Hoàng Khánh	12A2	104	25	5	122	25	4.38	416	22	5.5	121	20	5	104	29	5.8	334	25	5.36	444	22	5.5	333	15	3.75
62	000065	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	12A2	101	19	3.8	121	28	4.9	416	13	3.25	121	18	4.5	104	27	5.4	334	26	5.57	222	18	4.5	111	11	2.75
63	000069	Lê Hoàng Minh	12A2	104	23	4.6	124	27	4.73	317	21	5.25	123	16	4	103	29	5.8	334	20	4.29	222	21	5.25	111	19	4.75
64	000071	Nguyễn Ngọc Khánh Minh	12A2	104	23	4.6	123	29	5.08	317	22	5.5	121	22	5.5	102	29	5.8	323	28	6	333	21	5.25	444	15	3.75
65	000074	Phạm Thị Ngọc My	12A2	101	19	3.8	121	26	4.55	218	12	3	122	18	4.5	103	22	4.4	323	24	5.14	444	17	4.25	333	12	3
66	000075	Lê Phương Nam	12A2	102	22	4.4	122	29	5.08	119	8	2	121	16	4	102	25	5	312	14	3	333	15	3.75	444	15	3.75
67	000078	Đoàn Bảo Ngân	12A2	103	26	5.2	123	26	4.55	416	20	5	122	22	5.5	104	28	5.6	345	28	6	444	20	5	333	16	4
68	000081	Võ Thị Ngọc Ngân	12A2	102	17	3.4	122	17	2.98	119	17	4.25	123	20	5	101	27	5.4	323	25	5.36	444	16	4	333	17	4.25
69	000087	Phạm Thị Hồng Ngọc	12A2	104	22	4.4	121	25	4.38	317	10	2.5	121	17	4.25	104	26	5.2	323	15	3.21	111	14	3.5	222	13	3.25
70	000090	Nguyễn Lê Bích Ngọc	12A2	101	26	5.2	123	24	4.2	119	15	3.75	121	23	5.75	101	22	4.4	345	22	4.71	222	18	4.5	111	15	3.75
71	000093	Đỗ Lê Tiền Nhân	12A2	102	22	4.4	124	21	3.68	317	17	4.25	122	17	4.25	101	20	4	323	14	3	222	17	4.25	444	14	3.5
72	000101	Lâm Tâm Như	12A2	102	18	3.6	121	20	3.5	317	17	4.25	124	20	5	104	23	4.6	345	27	5.79	222	15	3.75	444	15	3.75
73	000102	Vương Quốc Ninh	12A2	103	19	3.8	123	25	4.38	416	22	5.5	122	20	5	101	25	5	312	28	6	444	18	4.5	222	13	3.25
74	000104	Đặng Minh Phát	12A2	101	26	5.2	121	30	5.25	218	12	3	122	17	4.25	103	26	5.2	334	26	5.57	333	20	5	333	18	4.5
75	000105	Nguyễn Thành Phát	12A2	104	16	3.2	124	22	3.85	317	8	2	121	13	3.25	103	27	5.4	345	18	3.86	444	12	3	111	16	4
76	000106	Huỳnh Tiến Phong	12A2	101	23	4.6	122	28	4.9	416	11	2.75	123	15	3.75	102	26	5.2	323	17	3.64	444	12	3	111	18	4.5
77	000109	Đỗ Hoàng Phúc	12A2	101	18	3.6	121	28	4.9	317	13	3.25	121	14	3.5	104	25	5	334	11	2.36	444	13	3.25	111	12	3

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
78	000116	Đinh Thị Diễm Quỳnh	12A2	104	16	3.2	123	19	3.33	317	8	2	124	17	4.25	104	21	4.2	323	18	3.86	333	16	4	444	17	4.25
79	000120	Trần Nguyễn Thế Sự	12A2	104	21	4.2	121	31	5.43	416	20	5	122	20	5	104	27	5.4	345	26	5.57	111	18	4.5	444	16	4
80	000123	Nguyễn Tấn Tài	12A2	103	20	4	124	26	4.55	119	16	4	123	12	3	104	23	4.6	334	15	3.21	444	15	3.75	111	21	5.25
81	000124	Phạm Thị Thanh Tâm	12A2	104	16	3.2	121	24	4.2	317	10	2.5	124	17	4.25	104	11	2.2	323	23	4.93	333	11	2.75	444	13	3.25
82	000126	Phan Quang Thái	12A2	102	24	4.8	121	24	4.2	218	14	3.5	122	20	5	101	20	4	334	20	4.29	444	12	3	333	12	3
83	000127	Trần Quốc Thái	12A2	103	26	5.2	124	23	4.03	119	23	5.75	121	24	6	102	27	5.4	312	26	5.57	222	21	5.25	222	14	3.5
84	000132	Hoàng Anh Thư	12A2	104	24	4.8	123	32	5.6	416	13	3.25	124	23	5.75	102	27	5.4	323	28	6	333	16	4	111	19	4.75
85	000137	Trần Thanh Thương	12A2	102	26	5.2	123	27	4.73	218	21	5.25	122	24	6	102	28	5.6	345	27	5.79	111	22	5.5	333	17	4.25
86	000142	Phan Thanh Tiến	12A2	103	25	5	124	27	4.73	218	12	3	122	21	5.25	103	23	4.6	345	20	4.29	222	18	4.5	444	19	4.75
87	000145	Hoàng Thị Cẩm Tiên	12A2	102	16	3.2	123	29	5.08	119	14	3.5	122	20	5	102	27	5.4	312	26	5.57	111	19	4.75	333	17	4.25
88	000157	Nguyễn Huy Trường	12A2	103	18	3.6	124	20	3.5	416	24	6	122	20	5	104	19	3.8	312	18	3.86	333	12	3	111	16	4
89	000161	Huỳnh Mạnh Tuấn	12A2	102	24	4.8	121	20	3.5	119	17	4.25	122	18	4.5	103	28	5.6	345	18	3.86	333	18	4.5	333	19	4.75
90	000171	Lã Nguyễn Tuấn Vũ	12A2	101	18	3.6	121	27	4.73	416	15	3.75	124	20	5	102	21	4.2	345	20	4.29	333	16	4	444	12	3
91	000174	Lương Thị Hà Vy	12A2	103	20	4	123	26	4.55	218	21	5.25	122	23	5.75	101	28	5.6	334	27	5.79	444	20	5	333	12	3
92	000179	Trần Phạm Thúy Vy	12A2	101	15	3	123	24	4.2	416	15	3.75	124	16	4	104	24	4.8	345	20	4.29	333	17	4.25	444	18	4.5
93	000004	Nguyễn Tuấn Anh	12A3	104	15	3	122	23	4.03	416	19	4.75	121	18	4.5	101	22	4.4	323	14	3	111	17	4.25	333	11	2.75
94	000008	Hoàng Gia Bảo	12A3	102	19	3.8	123	23	4.03	317	13	3.25	121	16	4	101	26	5.2	323	20	4.29	333	15	3.75	333	17	4.25
95	000009	Trần Ngọc Minh Châu	12A3	103	22	4.4	121	28	4.9	218	22	5.5	124	19	4.75	104	25	5	334	17	3.64	333	15	3.75	333	10	2.5
96	000017	Nguyễn Thanh Duy	12A3	103	26	5.2	123	24	4.2	218	21	5.25	124	23	5.75	101	25	5	323	24	5.14	444	15	3.75	222	17	4.25
97	000018	Phạm Khánh Duy	12A3	104	17	3.4	122	25	4.38	119	24	6	122	19	4.75	103	26	5.2	312	28	6	111	19	4.75	111	16	4
98	000022	Phạm Hồng Đào	12A3	101	17	3.4	124	24	4.2	416	18	4.5	123	19	4.75	103	24	4.8	312	19	4.07	333	18	4.5	111	14	3.5
99	000025	Trần Tấn Đạt	12A3	103	23	4.6	123	25	4.38	416	20	5	122	17	4.25	104	26	5.2	334	12	2.57	444	14	3.5	111	16	4
100	000027	Nguyễn Trí Đức	12A3	101	19	3.8	121	23	4.03	218	17	4.25	123	18	4.5	103	24	4.8	312	14	3	111	12	3	444	15	3.75
101	000028	Nguyễn Xuân Đức	12A3	102	24	4.8	122	22	3.85	317	23	5.75	121	22	5.5	104	29	5.8	323	23	4.93	222	21	5.25	111	16	4
102	000029	Nguyễn Hữu Trường Giang	12A3	103	22	4.4	123	36	6.3	416	22	5.5	124	21	5.25	104	27	5.4	323	27	5.79	444	23	5.75	111	16	4
103	000032	Võ Công Hậu	12A3	102	21	4.2	122	23	4.03	317	23	5.75	123	18	4.5	104	19	3.8	334	20	4.29	222	16	4	111	17	4.25
104	000034	Cao Ngọc Gia Hân	12A3	104	21	4.2	124	22	3.85	119	21	5.25	124	23	5.75	103	22	4.4	334	16	3.43	333	11	2.75	333	16	4
105	000038	Nguyễn Trung Hậu	12A3	104	20	4	124	22	3.85	119	18	4.5	122	19	4.75	102	20	4	312	10	2.14	444	17	4.25	333	11	2.75
106	000047	Tôn Thất Hoàng Huy	12A3	103	17	3.4	121	24	4.2	119	6	1.5	122	18	4.5	103	20	4	345	14	3	111	14	3.5	444	13	3.25
107	000056	Nguyễn Trung Kiên	12A3	104	21	4.2	123	24	4.2	416	16	4	121	19	4.75	102	26	5.2	334	27	5.79	333	17	4.25	333	17	4.25
108	000061	Huỳnh Cẩm Linh	12A3	101	22	4.4	123	26	4.55	119	20	5	122	21	5.25	104	29	5.8	345	16	3.43	222	23	5.75	111	17	4.25
109	000064	Phạm Thùy Linh	12A3	104	20	4	124	21	3.68	119	14	3.5	124	8	2	102	16	3.2	312	16	3.43	333	8	2	111	12	3
110	000067	Phạm Hiệp Mạnh	12A3	102	18	3.6	121	27	4.73	416	17	4.25	121	19	4.75	101	22	4.4	323	7	1.5	333	14	3.5	222	13	3.25
111	000068	Đoàn Văn Minh	12A3	102	25	5	122	24	4.2	416	21	5.25	124	23	5.75	102	23	4.6	345	13	2.79	111	17	4.25	222	13	3.25
112	000070	Nguyễn Hồng Minh	12A3	103	21	4.2	122	26	4.55	218	21	5.25	122	20	5	103	23	4.6	312	24	5.14	444	15	3.75	333	13	3.25
113	000080	Phạm Nguyễn Kim Ngân	12A3	101	14	2.8	124	22	3.85	218	16	4	124	15	3.75	104	28	5.6	345	23	4.93	333	15	3.75	444	16	4
114	000084	Trần Gia Nghi	12A3	103	24	4.8	124	32	5.6	416	21	5.25	124	23	5.75	104	24	4.8	345	28	6	333	18	4.5	444	18	4.5
115	000092	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	12A3	103	19	3.8	122	27	4.73	218	20	5	124	17	4.25	102	27	5.4	323	22	4.71	222	16	4	111	16	4
116	000097	Nguyễn Uyên Nhi	12A3	104	23	4.6	121	28	4.9	317	24	6	123	24	6	102	29	5.8	323	27	5.79	222	21	5.25	444	17	4.25
117	000103	Hà Ngọc Hoàng Oanh	12A3	104	17	3.4	122	25	4.38	119	23	5.75	124	23	5.75	102	21	4.2	345	26	5.57	333	16	4	333	16	4

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GDCD (Đề thi)	GDCD (Số câu)	GDCD (Điểm)
118	000111	Nguyễn Trọng Phúc	12A3	104	22	4.4	121	32	5.6	317	21	5.25	123	22	5.5	103	25	5	345	28	6	333	19	4.75	333	16	4
119	000115	Nguyễn Minh Quý	12A3	103	19	3.8	122	23	4.03	119	23	5.75	123	19	4.75	104	26	5.2	334	28	6	444	19	4.75	111	16	4
120	000119	Vũ Cao Sang	12A3	103	15	3	122	20	3.5	218	20	5	121	20	5	104	20	4	312	27	5.79	222	17	4.25	111	18	4.5
121	000121	Trần Nguyễn Tấn Tài	12A3	101	26	5.2	124	27	4.73	317	22	5.5	121	23	5.75	103	26	5.2	312	28	6	111	21	5.25	333	17	4.25
122	000128	Nguyễn Tấn Thành	12A3	104	17	3.4	121	17	2.98	416	8	2	122	12	3	102	14	2.8	345	23	4.93	111	6	1.5	111	11	2.75
123	000129	Trần Thanh Thảo	12A3	101	16	3.2	124	27	4.73	317	17	4.25	121	20	5	101	23	4.6	312	25	5.36	111	9	2.25	222	10	2.5
124	000130	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	12A3	102	19	3.8	121	26	4.55	218	19	4.75	124	20	5	101	28	5.6	323	28	6	222	22	5.5	333	15	3.75
125	000141	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	12A3	101	22	4.4	123	23	4.03	416	21	5.25	124	21	5.25	102	26	5.2	323	26	5.57	111	17	4.25	333	14	3.5
126	000146	Trần Mai Yến Tiên	12A3	104	22	4.4	124	28	4.9	317	22	5.5	124	22	5.5	103	26	5.2	345	25	5.36	222	20	5	444	19	4.75
127	000147	Nguyễn Minh Tiến	12A3	102	23	4.6	121	23	4.03	119	20	5	123	22	5.5	101	26	5.2	334	26	5.57	444	17	4.25	444	18	4.5
128	000148	Trần Văn Tiến	12A3	104	21	4.2	122	25	4.38	317	20	5	121	23	5.75	104	26	5.2	312	27	5.79	444	19	4.75	333	14	3.5
129	000149	Trần Thanh Tinh	12A3	101	16	3.2	123	19	3.33	416	24	6	124	24	6	104	23	4.6	323	16	3.43	333	11	2.75	222	12	3
130	000153	Trần Thị Ngọc Trâm	12A3	102	21	4.2	123	24	4.2	218	24	6	123	23	5.75	104	24	4.8	312	11	2.36	333	16	4	111	17	4.25
131	000154	Nguyễn Quỳnh Trân	12A3	104	23	4.6	124	26	4.55	317	23	5.75	124	22	5.5	101	26	5.2	345	26	5.57	444	16	4	111	16	4
132	000156	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	12A3	104	19	3.8	123	17	2.98	218	18	4.5	121	19	4.75	102	28	5.6	312	10	2.14	111	13	3.25	222	12	3
133	000163	Mai Nguyễn Thanh Tùng	12A3	102	20	4	123	24	4.2	416	22	5.5	124	18	4.5	102	22	4.4	323	15	3.21	444	15	3.75	444	16	4
134	000168	Phạm Thị Hồng Vân	12A3	101	24	4.8	122	28	4.9	416	22	5.5	124	21	5.25	102	27	5.4	323	27	5.79	222	18	4.5	222	19	4.75
135	000176	Nguyễn Hoàng Nhã Vy	12A3	101	23	4.6	121	28	4.9	416	23	5.75	124	24	6	104	26	5.2	323	28	6	111	20	5	222	19	4.75
136	000177	Nguyễn Trang Thảo Vy	12A3	102	19	3.8	123	23	4.03	317	22	5.5	123	21	5.25	101	26	5.2	345	25	5.36	444	20	5	333	13	3.25
137	000180	Trần Ngọc Trà Vy	12A3	103	27	5.4	124	21	3.68	317	22	5.5	123	21	5.25	104	26	5.2	345	28	6	111	16	4	444	16	4
138	000003	Cao Nhật Anh	12A4	103	25	5	124	24	4.2	317	21	5.25	123	21	5.25	103	28	5.6	334	26	5.57	444	19	4.75	444	16	4
139	000005	Tô Thị Kim Anh	12A4	101	24	4.8	124	26	4.55	119	19	4.75	124	18	4.5	104	23	4.6	334	27	5.79	111	19	4.75	333	16	4
140	000012	Đào Duy Cường	12A4	104	20	4	123	25	4.38	416	20	5	121	19	4.75	101	24	4.8	323	25	5.36	111	20	5	222	15	3.75
141	000014	Nguyễn Chí Cường	12A4	102	19	3.8	121	17	2.98	218	15	3.75	122	16	4	103	26	5.2	312	20	4.29	333	18	4.5	111	16	4
142	000015	Đỗ Thành Danh	12A4	101	20	4	123	21	3.68	416	12	3	123	16	4	102	19	3.8	345	13	2.79	333	18	4.5	111	17	4.25
143	000020	Nguyễn Huỳnh Mỹ Duyên	12A4	104	26	5.2	124	25	4.38	416	24	6	121	21	5.25	104	25	5	323	28	6	444	19	4.75	222	18	4.5
144	000033	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12A4	103	23	4.6	123	29	5.08	416	22	5.5	122	20	5	104	26	5.2	312	28	6	444	20	5	444	15	3.75
145	000035	Lê Thị Bích Hân	12A4	101	22	4.4	121	26	4.55	218	19	4.75	123	18	4.5	102	22	4.4	323	26	5.57	222	21	5.25	333	14	3.5
146	000036	Ngô Gia Hân	12A4	102	19	3.8	122	21	3.68	317	15	3.75	121	17	4.25	101	19	3.8	345	10	2.14	111	10	2.5	222	15	3.75
147	000044	Ngô Thanh Hưng	12A4	103	21	4.2	124	27	4.73	416	20	5	124	23	5.75	101	28	5.6	323	28	6	111	18	4.5	222	15	3.75
148	000049	Vũ Gia Huy	12A4	101	22	4.4	121	27	4.73	317	20	5	124	21	5.25	102	25	5	323	28	6	444	20	5	333	12	3
149	000050	Trần Thị Ngọc Huyền	12A4	102	24	4.8	124	29	5.08	416	23	5.75	121	19	4.75	101	28	5.6	334	28	6	111	21	5.25	444	18	4.5
150	000053	Nguyễn Trọng Khanh	12A4	101	20	4	123	35	6.13	317	18	4.5	124	22	5.5	102	23	4.6	323	28	6	444	20	5	333	17	4.25
151	000057	Võ Minh Kiên	12A4	101	24	4.8	124	27	4.73	218	21	5.25	122	21	5.25	104	24	4.8	345	28	6	444	20	5	111	14	3.5
152	000060	Khổng Thị Lệ	12A4	104	21	4.2	122	31	5.43	218	21	5.25	123	19	4.75	102	28	5.6	312	25	5.36	333	18	4.5	111	18	4.5
153	000062	Nguyễn Hà Linh	12A4	102	17	3.4	122	16	2.8	218	18	4.5	123	13	3.25	103	23	4.6	312	15	3.21	222	11	2.75	222	11	2.75
154	000063	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12A4	103	23	4.6	121	19	3.33	119	9	2.25	122	18	4.5	101	21	4.2	345	13	2.79	333	15	3.75	222	13	3.25
155	000066	Trần Huỳnh Thành Lộc	12A4	103	18	3.6	124	23	4.03	317	19	4.75	124	19	4.75	103	22	4.4	334	14	3	222	16	4	222	16	4
156	000073	Nguyễn Hà My	12A4	102	26	5.2	123	26	4.55	119	24	6	123	23	5.75	103	29	5.8	334	27	5.79	222	19	4.75	111	16	4
157	000082	Dương Nguyễn Tuyết Nghi	12A4	101	22	4.4	124	27	4.73	218	21	5.25	122	17	4.25	101	22	4.4	312	26	5.57	222	19	4.75	111	16	4

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
158	000083	Đặng Trúc Nghi	12A4	102	21	4.2	122	21	3.68	119	21	5.25	121	18	4.5	104	18	3.6	323	28	6	111	20	5	222	15	3.75
159	000086	Huỳnh Bảo Ngọc	12A4	103	22	4.4	123	25	4.38	416	21	5.25	122	19	4.75	101	24	4.8	334	22	4.71	222	16	4	111	17	4.25
160	000094	Nguyễn Thành Nhân	12A4	103	22	4.4	122	18	3.15	416	14	3.5	124	11	2.75	104	21	4.2	334	26	5.57	111	12	3	222	8	2
161	000096	Phạm Minh Nhật	12A4	101	17	3.4	122	18	3.15	218	21	5.25	121	20	5	104	16	3.2	312	27	5.79	222	18	4.5	444	13	3.25
162	000110	Lê Trọng Phúc	12A4	103	22	4.4	123	26	4.55	416	23	5.75	123	16	4	104	23	4.6	312	26	5.57	444	17	4.25	111	14	3.5
163	000112	Ngô Phú Quang	12A4	101	20	4	123	25	4.38	416	20	5	123	16	4	103	23	4.6	323	25	5.36	333	16	4	333	16	4
164	000117	Trần Nguyễn Như Quỳnh	12A4	101	20	4	122	28	4.9	416	20	5	123	22	5.5	103	25	5	345	28	6	333	21	5.25	333	18	4.5
165	000118	Nguyễn Văn Sang	12A4	102	24	4.8	123	32	5.6	119	22	5.5	122	24	6	103	24	4.8	334	28	6	444	18	4.5	222	12	3
166	000131	Đào Ngọc Thông	12A4	103	24	4.8	124	27	4.73	119	19	4.75	123	20	5	102	25	5	334	22	4.71	444	20	5	444	16	4
167	000133	Phạm Anh Thư	12A4	101	25	5	122	28	4.9	317	22	5.5	123	20	5	101	24	4.8	345	10	2.14	333	21	5.25	222	17	4.25
168	000135	Nguyễn Hiếu Thuận	12A4	104	16	3.2	122	29	5.08	416	17	4.25	122	18	4.5	102	26	5.2	312	25	5.36	222	17	4.25	444	14	3.5
169	000136	Nguyễn Thị Ngọc Thương	12A4	103	25	5	123	27	4.73	317	20	5	121	19	4.75	101	27	5.4	345	21	4.5	111	15	3.75	111	15	3.75
170	000139	Nguyễn Võ Minh Thư	12A4	102	18	3.6	121	24	4.2	119	19	4.75	123	19	4.75	101	21	4.2	323	25	5.36	444	17	4.25	444	11	2.75
171	000144	Bùi Thủy Tiên	12A4	103	25	5	122	31	5.43	119	23	5.75	123	23	5.75	104	27	5.4	323	28	6	333	20	5	333	18	4.5
172	000155	Nguyễn Tiến Triển	12A4	102	26	5.2	122	28	4.9	119	21	5.25	123	22	5.5	103	24	4.8	334	28	6	222	19	4.75	222	15	3.75
173	000159	Mai Cẩm Tú	12A4	101	21	4.2	122	22	3.85	119	22	5.5	122	23	5.75	102	23	4.6	334	25	5.36	222	18	4.5	222	17	4.25
174	000162	Phạm Anh Tuấn	12A4	101	22	4.4	124	27	4.73	218	16	4	121	20	5	104	21	4.2	334	20	4.29	333	17	4.25	111	14	3.5
175	000164	Lý Minh Tuyền	12A4	104	25	5	122	25	4.38	119	18	4.5	121	17	4.25	102	24	4.8	334	24	5.14	444	18	4.5	444	14	3.5
176	000165	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A4	103	23	4.6	123	20	3.5	317	14	3.5	123	20	5	103	23	4.6	312	27	5.79	111	15	3.75	111	16	4
177	000169	Đặng Hoàng Việt	12A4	102	24	4.8	123	25	4.38	317	20	5	123	24	6	103	26	5.2	345	27	5.79	444	19	4.75	333	17	4.25
178	000172	Vũ Anh Vũ	12A4	104	22	4.4	122	21	3.68	119	21	5.25	121	21	5.25	103	22	4.4	334	24	5.14	333	17	4.25	444	14	3.5
179	000175	Mai Phương Vy	12A4	104	28	5.6	124	22	3.85	119	21	5.25	121	17	4.25	104	18	3.6	312	27	5.79	222	16	4	222	10	2.5
180	000178	Trần Ngọc Tường Vy	12A4	102	20	4	122	28	4.9	218	17	4.25	122	16	4	101	17	3.4	323	25	5.36	222	12	3	111	16	4
181	000181	Triệu Vỹ	12A4	104	21	4.2	122	23	4.03	218	17	4.25	122	20	5	101	23	4.6	312	24	5.14	222	19	4.75	111	12	3
182	000182	Vũ Hoàng Triệu Vỹ	12A4	103	26	5.2	121	31	5.43	119	24	6	121	23	5.75	101	26	5.2	334	20	4.29	444	15	3.75	333	19	4.75
183	000185	Đinh Thị Ngọc Anh	12A5	102	22	4.4	124	28	4.9	173	22	5.5	201	22	5.5	103	29	5.8	201	28	6	345	18	4.5	101	18	4.5
184	000188	Nguyễn Đoàn Vân Anh	12A5	103	16	3.2	123	18	3.15	182	4	1	202	18	4.5	102	22	4.4	204	26	5.57	345	17	4.25	101	14	3.5
185	000196	Trương Thị Kim Chi	12A5	101	16	3.2	123	25	4.38	182	18	4.5	202	20	5	101	27	5.4	202	21	4.5	123	18	4.5	301	19	4.75
186	000198	Trương Thị Hồng Cúc	12A5	102	21	4.2	123	24	4.2	173	19	4.75	203	21	5.25	104	25	5	203	24	5.14	456	18	4.5	201	15	3.75
187	000200	Nguyễn Thanh Dũng	12A5	101	21	4.2	123	24	4.2	164	13	3.25	202	15	3.75	103	29	5.8	203	23	4.93	123	16	4	301	14	3.5
188	000209	Phạm Gia Đạt	12A5	104	17	3.4	123	14	2.45	173	15	3.75	202	13	3.25	102	17	3.4	201	17	3.64	234	18	4.5	401	10	2.5
189	000229	Trần Thái Hòa	12A5	101	14	2.8	122	20	3.5	191	4	1	201	12	3	102	17	3.4	201	11	2.36	345	15	3.75	101	14	3.5
190	000232	Nguyễn Huy Hoàng	12A5	102	19	3.8	121	27	4.73	164	14	3.5	203	22	5.5	102	18	3.6	204	12	2.57	345	16	4	301	13	3.25
191	000244	Nguyễn Hoàng Huy	12A5	103	18	3.6	121	26	4.55	182	14	3.5	203	22	5.5	101	17	3.4	203	20	4.29	456	17	4.25	101	17	4.25
192	000245	Nguyễn Hoàng Mỹ Huyền	12A5	101	17	3.4	124	20	3.5	191	13	3.25	202	21	5.25	101	21	4.2	201	14	3	123	19	4.75	301	15	3.75
193	000247	Nguyễn Gia Hưng	12A5	104	20	4	122	23	4.03	164	20	5	203	22	5.5	104	27	5.4	201	21	4.5	456	18	4.5	401	17	4.25
194	000250	Trần Quốc Kiệt	12A5	102	16	3.2	121	24	4.2	164	10	2.5	202	13	3.25	103	20	4	204	17	3.64	123	11	2.75	201	13	3.25
195	000257	Tiền Huệ Linh	12A5	101	21	4.2	122	22	3.85	191	9	2.25	203	16	4	102	18	3.6	202	17	3.64	345	19	4.75	101	16	4
196	000259	Nguyễn Tấn Lộc	12A5	101	13	2.6	122	22	3.85	182	20	5	201	19	4.75	104	23	4.6	204	19	4.07	234	19	4.75	401	16	4
197	000261	Lê Thanh Luận	12A5	103	17	3.4	121	19	3.33	173	10	2.5	203	16	4	101	21	4.2	203	8	1.71	123	14	3.5	301	12	3

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GDCD (Đề thi)	GDCD (Số câu)	GDCD (Điểm)
198	000272	Vũ Bắc Trung Nam	12A5	102	12	2.4	122	23	4.03	164	15	3.75	201	19	4.75	101	22	4.4	204	27	5.79	345	13	3.25	201	14	3.5
199	000275	Phạm Lê Kim Ngân	12A5	102	16	3.2	123	25	4.38	191	20	5	201	19	4.75	102	27	5.4	204	22	4.71	234	17	4.25	101	16	4
200	000277	Hồ Hoàng Ngọc Ngân	12A5	101	16	3.2	121	23	4.03	173	22	5.5	202	20	5	101	29	5.8	201	24	5.14	345	18	4.5	201	13	3.25
201	000282	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12A5	101	16	3.2	124	25	4.38	191	22	5.5	204	22	5.5	102	30	6	201	27	5.79	456	22	5.5	101	15	3.75
202	000289	Nguyễn Quỳnh Phương Nhi	12A5	104	24	4.8	124	29	5.08	191	23	5.75	202	23	5.75	103	30	6	202	28	6	123	23	5.75	401	17	4.25
203	000291	Võ Ngọc Nhi	12A5	102	7	1.4	124	19	3.33	182	8	2	203	7	1.75	102	20	4	201	10	2.14	234	15	3.75	301	18	4.5
204	000293	Cao Tâm Như	12A5	104	21	4.2	124	25	4.38	164	22	5.5	204	23	5.75	101	30	6	201	26	5.57	123	20	5	201	16	4
205	000301	Nguyễn Huỳnh Kiều Oanh	12A5	103	16	3.2	121	19	3.33	182	11	2.75	204	19	4.75	101	8	1.6	202	13	2.79	123	14	3.5	201	13	3.25
206	000308	Nguyễn Giang Triệu Phong	12A5	103	18	3.6	123	21	3.68	191	14	3.5	203	18	4.5	104	28	5.6	203	27	5.79	456	17	4.25	201	15	3.75
207	000309	Nguyễn Hoàng Ngọc Phong	12A5	102	17	3.4	124	20	3.5	164	7	1.75	204	11	2.75	102	15	3	202	14	3	234	11	2.75	401	12	3
208	000313	Nguyễn Trúc Kiều Phương	12A5	103	16	3.2	121	23	4.03	182	20	5	202	16	4	102	24	4.8	203	26	5.57	234	16	4	401	15	3.75
209	000316	Nguyễn Minh Quân	12A5	103	20	4	121	18	3.15	182	16	4	201	18	4.5	103	27	5.4	202	23	4.93	456	17	4.25	101	22	5.5
210	000320	Đào Tấn Sang	12A5	104	22	4.4	121	28	4.9	164	14	3.5	203	18	4.5	103	27	5.4	202	25	5.36	456	19	4.75	101	17	4.25
211	000324	Nguyễn Thành Tài	12A5	103	21	4.2	123	27	4.73	164	10	2.5	203	13	3.25	103	25	5	202	19	4.07	456	20	5	201	19	4.75
212	000334	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	12A5	102	19	3.8	123	20	3.5	182	16	4	201	21	5.25	101	30	6	204	27	5.79	234	19	4.75	401	12	3
213	000335	Phạm Trường Thành	12A5	101	15	3	124	26	4.55	164	21	5.25	203	19	4.75	101	23	4.6	202	20	4.29	234	16	4	101	14	3.5
214	000339	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12A5	102	18	3.6	121	16	2.8	191	10	2.5	202	16	4	101	17	3.4	202	14	3	456	16	4	301	13	3.25
215	000341	Phạm Nguyễn Thành Thắng	12A5	101	18	3.6	123	25	4.38	173	6	1.5	204	22	5.5	102	16	3.2	201	12	2.57	123	15	3.75	201	17	4.25
216	000342	Nguyễn Diệu Thi	12A5	104	22	4.4	124	28	4.9	164	17	4.25	204	20	5	103	29	5.8	202	20	4.29	456	19	4.75	101	19	4.75
217	000344	Lương Thị Thanh Thư	12A5	102	13	2.6	122	14	2.45	164	11	2.75	202	22	5.5	104	23	4.6	201	12	2.57	123	13	3.25	401	11	2.75
218	000345	Nguyễn Lạc Minh Thư	12A5	104	18	3.6	123	22	3.85	173	18	4.5	202	21	5.25	102	30	6	204	28	6	123	19	4.75	201	16	4
219	000347	Trần Phạm Anh Thư	12A5	102	15	3	121	24	4.2	173	15	3.75	201	19	4.75	101	30	6	203	15	3.21	456	18	4.5	301	20	5
220	000359	Trương Thị Mỹ Tiên	12A5	101	17	3.4	122	23	4.03	173	14	3.5	202	17	4.25	104	15	3	201	12	2.57	123	14	3.5	301	15	3.75
221	000381	Bạch Quang Tùng	12A5	101	20	4	124	21	3.68	191	7	1.75	203	16	4	104	16	3.2	203	15	3.21	345	18	4.5	101	17	4.25
222	000387	Đào Huy Vũ	12A5	103	19	3.8	121	24	4.2	173	19	4.75	204	18	4.5	104	28	5.6	203	20	4.29	456	17	4.25	401	17	4.25
223	000390	Nguyễn Trường Vũ	12A5	104	19	3.8	122	24	4.2	182	21	5.25	201	21	5.25	104	28	5.6	202	26	5.57	123	18	4.5	101	16	4
224	000394	Phan Nguyễn Huyền Vy	12A5	104	14	2.8	121	25	4.38	164	13	3.25	201	18	4.5	102	23	4.6	203	18	3.86	456	17	4.25	201	17	4.25
225	000395	Trần Nguyễn Thúy Vy	12A5	103	21	4.2	122	25	4.38	173	22	5.5	204	19	4.75	102	29	5.8	203	22	4.71	123	18	4.5	301	19	4.75
226	000398	Nguyễn Thị Kim Xuân	12A5	104	13	2.6	123	27	4.73	182	23	5.75	201	21	5.25	102	29	5.8	202	24	5.14	456	21	5.25	401	14	3.5
227	000400	Trần Thị Như Ý	12A5	102	19	3.8	122	28	4.9	182	19	4.75	202	21	5.25	103	26	5.2	204	13	2.79	345	20	5	401	16	4
228	000186	Lê Thị Vân Anh	12A6	104	16	3.2	123	15	2.63	191	10	2.5	204	6	1.5	101	19	3.8	202	13	2.79	234	12	3	401	17	4.25
229	000189	Phạm Hoàng Duy Anh	12A6	104	22	4.4	122	22	3.85	191	19	4.75	201	15	3.75	101	19	3.8	204	15	3.21	345	18	4.5	101	17	4.25
230	000190	Trần Ngọc Ánh	12A6	104	20	4	121	24	4.2	173	18	4.5	203	21	5.25	103	23	4.6	201	17	3.64	234	17	4.25	401	14	3.5
231	000203	Trịnh Văn Dũng	12A6	103	20	4	122	23	4.03	182	15	3.75	202	20	5	101	20	4	201	12	2.57	456	15	3.75	201	17	4.25
232	000205	Phạm Đức Duy	12A6	101	14	2.8	123	22	3.85	191	10	2.5	203	14	3.5	104	15	3	202	16	3.43	234	9	2.25	101	19	4.75
233	000214	Trần Thanh Hải	12A6	101	16	3.2	124	23	4.03	182	20	5	204	18	4.5	101	26	5.2	201	19	4.07	345	19	4.75	301	16	4
234	000216	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	12A6	103	26	5.2	123	33	5.78	182	24	6	201	23	5.75	102	30	6	204	25	5.36	234	22	5.5	401	20	5
235	000217	Huỳnh Nguyễn Thanh Hằng	12A6	102	22	4.4	121	25	4.38	191	17	4.25	202	21	5.25	103	24	4.8	201	15	3.21	456	20	5	101	18	4.5
236	000221	Nguyễn Nhật Hào	12A6	101	17	3.4	121	24	4.2	173	8	2	201	9	2.25	101	13	2.6	202	16	3.43	456	15	3.75	301	19	4.75
237	000222	Nguyễn Minh Hậu	12A6	103	18	3.6	124	22	3.85	164	17	4.25	204	19	4.75	101	23	4.6	201	16	3.43	345	16	4	301	17	4.25

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
238	000228	Phạm Huy Thái Hòa	12A6	103	13	2.6	121	20	3.5	182	23	5.75	202	20	5	102	27	5.4	203	25	5.36	456	16	4	401	16	4
239	000230	Phan Trọng Hoài	12A6	103	18	3.6	123	22	3.85	182	11	2.75	204	20	5	103	28	5.6	202	15	3.21	234	18	4.5	401	16	4
240	000234	Phạm Đức Huân	12A6	104	21	4.2	123	23	4.03	164	8	2	204	20	5	103	17	3.4	201	15	3.21	234	17	4.25	401	16	4
241	000239	Phạm Dương Thu Hương	12A6	104	17	3.4	124	14	2.45	191	21	5.25	201	19	4.75	104	25	5	202	22	4.71	456	19	4.75	201	17	4.25
242	000240	Vũ Thị Quỳnh Hương	12A6	102	23	4.6	121	25	4.38	182	24	6	203	22	5.5	101	29	5.8	204	27	5.79	456	17	4.25	101	16	4
243	000252	Lê Nhựt Lâm	12A6	104	16	3.2	121	23	4.03	164	6	1.5	204	10	2.5	102	26	5.2	202	16	3.43	234	15	3.75	301	15	3.75
244	000254	Bùi Thị Ngọc Linh	12A6	104	21	4.2	124	28	4.9	173	20	5	202	23	5.75	103	21	4.2	201	14	3	345	17	4.25	401	16	4
245	000258	Nguyễn Thị Tuyết Loan	12A6	104	23	4.6	123	26	4.55	182	21	5.25	202	22	5.5	103	27	5.4	204	16	3.43	123	22	5.5	201	15	3.75
246	000260	Nguyễn Trường Bảo Long	12A6	104	20	4	124	23	4.03	182	15	3.75	204	20	5	103	21	4.2	202	19	4.07	234	19	4.75	301	15	3.75
247	000279	Phạm Kim Ngân	12A6	103	25	5	121	24	4.2	191	23	5.75	201	23	5.75	104	28	5.6	204	22	4.71	456	20	5	101	19	4.75
248	000286	Bùi Phan Yến Nhi	12A6	104	22	4.4	122	26	4.55	164	19	4.75	204	21	5.25	104	28	5.6	203	20	4.29	234	19	4.75	301	21	5.25
249	000287	Hồ Thành Nhi	12A6	103	21	4.2	123	22	3.85	173	19	4.75	201	21	5.25	104	24	4.8	202	20	4.29	456	18	4.5	301	14	3.5
250	000298	Bùi Thị Thanh Như	12A6	102	18	3.6	123	25	4.38	182	22	5.5	202	21	5.25	102	29	5.8	204	21	4.5	234	20	5	101	17	4.25
251	000305	Phạm Tấn Phát	12A6	104	25	5	124	20	3.5	173	14	3.5	203	15	3.75	102	21	4.2	204	17	3.64	234	17	4.25	101	20	5
252	000310	Nguyễn Hồng Gia Phúc	12A6	101	21	4.2	123	22	3.85	164	16	4	202	13	3.25	101	19	3.8	204	11	2.36	123	18	4.5	301	14	3.5
253	000314	Chung Ngọc Uyên Phương	12A6	104	20	4	122	26	4.55	191	23	5.75	201	22	5.5	104	28	5.6	203	19	4.07	123	19	4.75	301	19	4.75
254	000319	Ngô Thị Kim Quyên	12A6	101	13	2.6	122	19	3.33	173	13	3.25	203	17	4.25	102	26	5.2	201	14	3	123	17	4.25	301	21	5.25
255	000321	Quảng Minh Sang	12A6	102	20	4	124	24	4.2	173	13	3.25	202	10	2.5	103	20	4	203	14	3	456	13	3.25	401	15	3.75
256	000328	Trần Quốc Thái	12A6	104	19	3.8	121	31	5.43	182	15	3.75	201	21	5.25	104	26	5.2	202	21	4.5	345	19	4.75	301	20	5
257	000331	Phạm Quang Thắng	12A6	104	13	2.6	122	20	3.5	191	15	3.75	203	19	4.75	104	27	5.4	201	25	5.36	234	16	4	101	21	5.25
258	000332	Huỳnh Ngọc Thanh	12A6	103	17	3.4	121	29	5.08	182	15	3.75	201	20	5	104	27	5.4	202	10	2.14	345	19	4.75	301	20	5
259	000346	Phú Ngọc Anh Thư	12A6	101	16	3.2	124	20	3.5	164	17	4.25	203	18	4.5	103	25	5	203	16	3.43	456	15	3.75	101	13	3.25
260	000348	Võ Nguyễn Minh Thư	12A6	103	21	4.2	122	22	3.85	164	17	4.25	201	21	5.25	104	22	4.4	204	20	4.29	345	20	5	401	14	3.5
261	000354	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A6	101	23	4.6	124	23	4.03	182	17	4.25	203	21	5.25	102	28	5.6	203	27	5.79	345	19	4.75	201	17	4.25
262	000357	Nguyễn Minh Thy	12A6	101	24	4.8	121	25	4.38	164	23	5.75	204	22	5.5	103	30	6	201	19	4.07	234	19	4.75	101	16	4
263	000358	Nguyễn Lê Nhật Tiên	12A6	104	22	4.4	122	24	4.2	173	23	5.75	201	19	4.75	102	28	5.6	204	22	4.71	345	20	5	201	20	5
264	000363	Huỳnh Lữ Bình Trang	12A6	103	22	4.4	123	24	4.2	182	22	5.5	204	22	5.5	102	29	5.8	203	23	4.93	123	19	4.75	101	21	5.25
265	000368	Đặng Ngọc Minh Trâm	12A6	102	13	2.6	121	23	4.03	182	14	3.5	201	15	3.75	101	27	5.4	204	20	4.29	456	19	4.75	401	16	4
266	000372	Phạm Hoàng Minh Trí	12A6	103	18	3.6	122	25	4.38	173	15	3.75	203	11	2.75	104	13	2.6	202	15	3.21	345	11	2.75	201	13	3.25
267	000375	Nguyễn Đức Trọng	12A6	101	24	4.8	124	18	3.15	173	20	5	202	14	3.5	104	21	4.2	201	14	3	234	18	4.5	301	21	5.25
268	000383	Đoàn Thụy Minh Uyên	12A6	103	15	3	124	19	3.33	191	10	2.5	203	19	4.75	101	21	4.2	204	17	3.64	456	14	3.5	401	17	4.25
269	000384	Lương Thị Thanh Vân	12A6	102	23	4.6	123	29	5.08	182	19	4.75	202	20	5	101	29	5.8	204	9	1.93	234	14	3.5	101	15	3.75
270	000396	Trần Thị Thanh Vy	12A6	102	19	3.8	121	23	4.03	164	18	4.5	203	21	5.25	103	25	5	201	17	3.64	345	18	4.5	301	20	5
271	000401	Võ Ngọc Như Ý	12A6	103	26	5.2	123	28	4.9	164	21	5.25	201	20	5	103	24	4.8	201	22	4.71	234	19	4.75	401	16	4
272	000187	Nguyễn Hoàng Anh	12A7	103	13	2.6	124	22	3.85	164	9	2.25	204	9	2.25	104	20	4	203	23	4.93	234	16	4	401	18	4.5
273	000192	Trịnh Thị Băng Băng	12A7	103	21	4.2	121	26	4.55	164	11	2.75	202	20	5	104	26	5.2	201	25	5.36	345	19	4.75	101	17	4.25
274	000193	Võ Hoàng Tú Bảo	12A7	104	12	2.4	121	20	3.5	173	13	3.25	201	21	5.25	103	23	4.6	203	23	4.93	345	17	4.25	301	17	4.25
275	000194	Nguyễn Như Bình	12A7	102	13	2.6	122	24	4.2	191	10	2.5	203	17	4.25	101	28	5.6	204	20	4.29	234	16	4	401	16	4
276	000201	Nguyễn Thị Tuyết Dung	12A7	102	17	3.4	122	22	3.85	173	18	4.5	201	19	4.75	102	27	5.4	201	21	4.5	123	20	5	301	23	5.75
277	000204	Nguyễn Thùy Dương	12A7	104	17	3.4	121	22	3.85	191	17	4.25	201	19	4.75	102	25	5	204	25	5.36	123	14	3.5	301	14	3.5

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
278	000208	Phạm Nguyễn Đức Đạt	12A7	101	16	3.2	122	27	4.73	164	20	5	204	17	4.25	102	29	5.8	204	26	5.57	456	19	4.75	401	22	5.5
279	000211	Hà Hương Giang	12A7	102	22	4.4	121	25	4.38	173	22	5.5	203	19	4.75	101	26	5.2	204	24	5.14	345	17	4.25	101	18	4.5
280	000213	Ngô Trung Hải	12A7	103	17	3.4	121	26	4.55	173	19	4.75	201	16	4	104	23	4.6	202	26	5.57	234	16	4	301	20	5
281	000218	Nguyễn Trần Hiếu Hạnh	12A7	102	21	4.2	124	26	4.55	164	16	4	204	21	5.25	103	28	5.6	203	26	5.57	123	19	4.75	101	21	5.25
282	000220	Lâm Chí Hào	12A7	104	9	1.8	124	21	3.68	164	7	1.75	202	7	1.75	104	17	3.4	203	7	1.5	234	8	2	401	18	4.5
283	000223	Nguyễn Thanh Hiền	12A7	103	17	3.4	122	18	3.15	191	17	4.25	203	21	5.25	104	19	3.8	202	19	4.07	123	17	4.25	201	20	5
284	000224	Nguyễn Thị Thu Hiền	12A7	101	18	3.6	123	22	3.85	164	22	5.5	201	22	5.5	102	28	5.6	204	24	5.14	234	20	5	201	15	3.75
285	000241	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	12A7	104	12	2.4	122	23	4.03	191	15	3.75	202	17	4.25	101	13	2.6	202	17	3.64	123	14	3.5	301	20	5
286	000242	Nguyễn Nhất Huy	12A7	102	18	3.6	123	17	2.98	182	15	3.75	204	20	5	104	29	5.8	201	19	4.07	123	17	4.25	201	15	3.75
287	000248	Tạ Duy Khang	12A7	102	14	2.8	123	22	3.85	173	20	5	202	17	4.25	101	29	5.8	202	22	4.71	123	19	4.75	101	12	3
288	000249	Nguyễn An Khương	12A7	103	20	4	123	33	5.78	173	19	4.75	203	23	5.75	102	28	5.6	203	21	4.5	234	18	4.5	101	18	4.5
289	000255	Hắc Quỳnh Chúc Linh	12A7	101	16	3.2	123	20	3.5	191	16	4	201	18	4.5	103	20	4	201	20	4.29	123	16	4	201	20	5
290	000263	Nguyễn Thị Yên Mai	12A7	103	16	3.2	122	20	3.5	173	9	2.25	201	13	3.25	104	20	4	201	11	2.36	123	13	3.25	201	15	3.75
291	000265	Nguyễn Thái Minh	12A7	103	13	2.6	122	22	3.85	173	20	5	203	22	5.5	101	16	3.2	202	10	2.14	234	19	4.75	101	13	3.25
292	000267	Trần Bảo Minh	12A7	103	15	3	121	23	4.03	164	7	1.75	201	15	3.75	104	24	4.8	204	22	4.71	345	14	3.5	401	13	3.25
293	000274	Nguyễn Hồng Ngân	12A7	101	17	3.4	122	26	4.55	182	11	2.75	204	19	4.75	102	25	5	203	20	4.29	456	13	3.25	101	16	4
294	000281	Phan Nguyễn Thủy Ngọc	12A7	104	13	2.6	121	23	4.03	173	21	5.25	202	18	4.5	103	28	5.6	204	22	4.71	123	17	4.25	301	21	5.25
295	000284	Nguyễn Thành Nhân	12A7	103	14	2.8	122	21	3.68	182	5	1.25	203	9	2.25	103	22	4.4	203	14	3	345	5	1.25	401	19	4.75
296	000295	Giang Thị Cẩm Nhung	12A7	103	16	3.2	124	28	4.9	173	17	4.25	203	22	5.5	104	27	5.4	202	27	5.79	456	18	4.5	301	16	4
297	000297	Phạm Minh Nhựt	12A7	101	15	3	124	20	3.5	191	19	4.75	203	19	4.75	101	27	5.4	203	26	5.57	123	14	3.5	201	18	4.5
298	000302	Nguyễn Kiều Oanh	12A7	101	20	4	122	21	3.68	182	16	4	202	20	5	101	29	5.8	204	25	5.36	234	16	4	101	21	5.25
299	000304	Đỗ Tiến Phát	12A7	101	18	3.6	122	20	3.5	182	17	4.25	204	19	4.75	103	26	5.2	202	24	5.14	345	19	4.75	401	15	3.75
300	000306	Đặng Tuấn Phi	12A7	103	20	4	123	19	3.33	164	8	2	202	20	5	103	17	3.4	203	19	4.07	123	11	2.75	301	17	4.25
301	000323	Nguyễn Đức Tài	12A7	104	12	2.4	124	18	3.15	173	17	4.25	201	20	5	101	24	4.8	201	13	2.79	123	14	3.5	301	15	3.75
302	000326	Bùi Thị Tâm	12A7	102	10	2	123	20	3.5	164	18	4.5	204	16	4	101	23	4.6	204	20	4.29	123	16	4	401	16	4
303	000330	Trịnh Minh Thân	12A7	101	17	3.4	121	12	2.1	182	10	2.5	204	15	3.75	101	25	5	204	20	4.29	234	18	4.5	401	19	4.75
304	000336	Phan Thị Kim Thanh	12A7	101	20	4	123	22	3.85	173	17	4.25	202	17	4.25	104	26	5.2	201	13	2.79	345	16	4	301	20	5
305	000337	Kiều Phương Thảo	12A7	104	22	4.4	123	26	4.55	191	17	4.25	202	21	5.25	102	20	4	203	10	2.14	123	12	3	201	18	4.5
306	000338	Trần Nguyễn Mai Thảo	12A7	101	17	3.4	124	22	3.85	182	17	4.25	201	18	4.5	103	28	5.6	203	10	2.14	456	13	3.25	101	16	4
307	000352	Tạ Hoài Thương	12A7	102	19	3.8	122	22	3.85	182	20	5	202	21	5.25	101	28	5.6	201	23	4.93	234	18	4.5	301	12	3
308	000364	Nguyễn Thị Huyền Trang	12A7	104	23	4.6	123	25	4.38	164	20	5	201	22	5.5	103	23	4.6	204	25	5.36	456	20	5	201	20	5
309	000374	Trần Thị Tuyết Trinh	12A7	104	24	4.8	123	20	3.5	191	12	3	203	21	5.25	101	29	5.8	202	24	5.14	234	20	5	301	21	5.25
310	000377	Phạm Trung Trường	12A7	104	16	3.2	122	21	3.68	191	14	3.5	202	21	5.25	103	29	5.8	201	23	4.93	345	20	5	201	18	4.5
311	000379	Võ Thành Tuấn	12A7	101	17	3.4	124	27	4.73	164	15	3.75	201	23	5.75	102	26	5.2	203	23	4.93	234	20	5	101	16	4
312	000382	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A7	104	24	4.8	123	23	4.03	182	23	5.75	204	21	5.25	104	29	5.8	202	27	5.79	123	19	4.75	201	18	4.5
313	000388	Nguyễn Anh Vũ	12A7	102	18	3.6	122	24	4.2	164	17	4.25	203	19	4.75	101	19	3.8	201	11	2.36	234	15	3.75	301	20	5
314	000393	Phạm Tường Vy	12A7	101	10	2	122	24	4.2	173	19	4.75	203	19	4.75	103	28	5.6	201	25	5.36	234	18	4.5	201	18	4.5
315	000195	Võ Như Bình	12A8	101	12	2.4	124	22	3.85	164	13	3.25	204	18	4.5	104	23	4.6	201	21	4.5	456	16	4	201	15	3.75
316	000199	Võ Quốc Dinh	12A8	103	13	2.6	124	22	3.85	182	18	4.5	203	19	4.75	103	23	4.6	202	18	3.86	456	17	4.25	201	18	4.5
317	000206	Đặng Thùy Dương	12A8	103	25	5	122	28	4.9	164	23	5.75	202	21	5.25	101	28	5.6	201	24	5.14	123	19	4.75	301	19	4.75

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
318	000210	Phan Huỳnh Tiến Đạt	12A8	101	11	2.2	122	21	3.68	182	9	2.25	203	15	3.75	103	22	4.4	203	17	3.64	123	15	3.75	201	16	4
319	000215	Bùi Trung Hải	12A8						Vắng			Vắng			Vắng			Vắng			Vắng			Vắng			Vắng
320	000219	Phạm Thị Hồng Hạnh	12A8	104	19	3.8	121	26	4.55	191	19	4.75	203	22	5.5	102	21	4.2	204	18	3.86	123	18	4.5	401	14	3.5
321	000225	Trương Tấn Hiền	12A8	104	17	3.4	122	19	3.33	182	15	3.75	204	20	5	103	23	4.6	203	12	2.57	456	13	3.25	201	21	5.25
322	000227	Bùi Minh Hiếu	12A8	101	20	4	124	29	5.08	191	23	5.75	201	22	5.5	103	30	6	204	28	6	234	20	5	301	20	5
323	000233	Nguyễn Kim Hồng	12A8	104	22	4.4	122	33	5.78	173	21	5.25	202	22	5.5	102	30	6	202	27	5.79	345	18	4.5	101	18	4.5
324	000237	Nguyễn Quỳnh Hương	12A8	101	21	4.2	122	28	4.9	173	19	4.75	202	21	5.25	101	25	5	201	27	5.79	345	20	5	101	20	5
325	000238	Nguyễn Việt Hương	12A8	103	19	3.8	123	26	4.55	164	19	4.75	204	18	4.5	102	27	5.4	203	24	5.14	345	18	4.5	201	16	4
326	000246	Nguyễn Tấn Huỳnh	12A8	102	17	3.4	121	15	2.63	182	10	2.5	204	8	2	104	14	2.8	203	8	1.71	123	14	3.5	201	16	4
327	000251	Lê Mai Ngọc Lâm	12A8	103	18	3.6	124	19	3.33	182	20	5	201	21	5.25	103	17	3.4	202	21	4.5	345	14	3.5	401	19	4.75
328	000253	Nguyễn Thị Thu Liễu	12A8	101	15	3	124	23	4.03	191	9	2.25	203	19	4.75	102	22	4.4	203	18	3.86	456	17	4.25	301	18	4.5
329	000262	Huỳnh Thị Thu Mai	12A8	102	9	1.8	123	27	4.73	191	23	5.75	202	20	5	101	21	4.2	201	21	4.5	345	16	4	401	18	4.5
330	000264	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	12A8	102	15	3	123	23	4.03	164	11	2.75	204	15	3.75	104	19	3.8	203	14	3	456	7	1.75	101	18	4.5
331	000268	Vũ Hoàng Minh	12A8	102	11	2.2	121	18	3.15	164	6	1.5	204	19	4.75	101	17	3.4	201	18	3.86	123	7	1.75	301	19	4.75
332	000270	Hoàng Nam	12A8	104	16	3.2	121	32	5.6	191	11	2.75	204	22	5.5	104	22	4.4	204	21	4.5	456	12	3	401	15	3.75
333	000273	Nguyễn Thị Tuyết Nga	12A8	104	15	3	123	19	3.33	191	22	5.5	202	20	5	103	27	5.4	202	24	5.14	123	18	4.5	201	13	3.25
334	000278	Nguyễn Ngọc Phượng Ngân	12A8	104	22	4.4	124	26	4.55	182	13	3.25	204	20	5	104	28	5.6	201	25	5.36	234	18	4.5	101	18	4.5
335	000280	Trần Lê Bảo Ngân	12A8	102	13	2.6	124	18	3.15	182	16	4	203	16	4	101	10	2	202	13	2.79	123	16	4	201	17	4.25
336	000288	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12A8	102	16	3.2	122	21	3.68	164	11	2.75	203	10	2.5	101	18	3.6	204	20	4.29	123	12	3	401	12	3
337	000294	Phan Ý Như	12A8	102	9	1.8	123	23	4.03			Vắng	203	23	5.75	102	20	4	204	11	2.36	234	16	4	101	17	4.25
338	000296	Phạm Thị Ngọc Nhung	12A8	104	20	4	123	23	4.03	164	23	5.75	204	22	5.5	103	29	5.8	204	28	6	345	21	5.25	401	16	4
339	000299	Đỗ Thị Hoài Ny	12A8	103	18	3.6	121	21	3.68	191	18	4.5	201	15	3.75	104	22	4.4	201	19	4.07	456	15	3.75	301	18	4.5
340	000303	Trần Mai Nhật Phàm	12A8	102	18	3.6	121	22	3.85	191	20	5	201	19	4.75	104	18	3.6	201	18	3.86	456	14	3.5	301	17	4.25
341	000307	Đặng Thanh Phong	12A8	104	24	4.8	124	25	4.38	173	21	5.25	201	23	5.75	103	23	4.6	201	28	6	345	20	5	401	16	4
342	000311	Nguyễn Phạm Thiện Phước	12A8	101	10	2	121	20	3.5	173	9	2.25	201	15	3.75	103	14	2.8	202	15	3.21	345	12	3	101	16	4
343	000315	Lê Minh Phương	12A8	103	25	5	122	24	4.2	191	24	6	203	18	4.5	102	27	5.4	201	28	6	123	22	5.5	301	21	5.25
344	000317	Tăng Gia Quân	12A8	102	24	4.8	122	24	4.2	191	24	6	204	24	6	103	27	5.4	203	24	5.14	456	20	5	401	18	4.5
345	000325	Lê Nguyễn Thành Tài	12A8	103	14	2.8	124	23	4.03	173	15	3.75	202	20	5	102	20	4	203	17	3.64	234	15	3.75	401	11	2.75
346	000327	Trương Thanh Tâm	12A8	101	16	3.2	122	20	3.5	191	21	5.25	204	19	4.75	102	27	5.4	201	23	4.93	234	13	3.25	101	16	4
347	000349	Lâm Minh Thuận	12A8	101	20	4	123	24	4.2	191	19	4.75	201	20	5	103	22	4.4	201	21	4.5	234	18	4.5	101	17	4.25
348	000350	Bùi Văn Thương	12A8	104	9	1.8	124	24	4.2	182	11	2.75	204	19	4.75	104	17	3.4	202	13	2.79	345	15	3.75	201	17	4.25
349	000351	Dương Hoài Thương	12A8	103	19	3.8	121	26	4.55	191	22	5.5	203	21	5.25	104	26	5.2	202	21	4.5	345	18	4.5	401	20	5
350	000355	Giang Võ Quỳnh Anh Thư	12A8	102	14	2.8	123	16	2.8	191	21	5.25	204	19	4.75	104	18	3.6	203	15	3.21	345	11	2.75	401	17	4.25
351	000360	Dương Cát Tiên	12A8	102	13	2.6	123	25	4.38	191	18	4.5	203	22	5.5	101	26	5.2	202	20	4.29	456	17	4.25	401	14	3.5
352	000362	Trần Thị Quế Trân	12A8	104	20	4	122	26	4.55	173	19	4.75	203	22	5.5	102	30	6	202	28	6	123	20	5	101	20	5
353	000366	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A8	104	12	2.4	121	22	3.85	191	13	3.25	201	18	4.5	104	25	5	204	19	4.07	123	15	3.75	301	19	4.75
354	000370	Trịnh Hoài Trân	12A8	102	19	3.8	122	23	4.03	164	18	4.5	201	19	4.75	102	29	5.8	204	17	3.64	123	16	4	101	20	5
355	000373	Cao Văn Trí	12A8	103	15	3	124	26	4.55	164	13	3.25	202	21	5.25	101	18	3.6	201	15	3.21	345	16	4	401	14	3.5
356	000389	Ngô Thái Vũ	12A8	101	15	3	121	18	3.15	191	16	4	202	16	4	104	23	4.6	204	16	3.43	345	17	4.25	301	18	4.5
357	000391	Nguyễn Phúc Tường Vy	12A8	103	14	2.8	121	19	3.33	191	10	2.5	204	18	4.5	103	19	3.8	202	16	3.43	456	12	3	401	15	3.75

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GD&CD (Đề thi)	GD&CD (Số câu)	GD&CD (Điểm)
358	000392	Nguyễn Trương Thảo Vy	12A8	102	20	4	122	25	4.38	182	22	5.5	202	20	5	101	29	5.8	204	22	4.71	345	18	4.5	201	19	4.75
359	000183	Lê Nhật Trúc Ân	12A9	102	12	2.4	124	22	3.85	182	9	2.25	204	13	3.25	102	17	3.4	202	12	2.57	456	16	4	401	14	3.5
360	000184	Võ Nhật An	12A9	101	12	2.4	123	17	2.98	164	17	4.25	202	16	4	104	22	4.4	203	19	4.07	345	17	4.25	101	18	4.5
361	000191	Trương Quỳnh Anh	12A9	101	16	3.2	122	19	3.33	182	8	2	204	20	5	102	24	4.8	204	23	4.93	234	18	4.5	401	14	3.5
362	000197	Ngô Chiến Công	12A9	102	19	3.8	124	26	4.55	191	19	4.75	201	20	5	101	28	5.6	202	23	4.93	123	19	4.75	301	16	4
363	000202	Cao Hoàng Dũng	12A9	104	11	2.2	121	23	4.03	191	16	4	203	20	5	102	28	5.6	202	19	4.07	456	18	4.5	201	15	3.75
364	000207	Nguyễn Thùy Dương	12A9	104	17	3.4	123	18	3.15	191	23	5.75	201	21	5.25	103	26	5.2	202	19	4.07	345	19	4.75	201	16	4
365	000212	Đào Thanh Hải	12A9	102	25	5	124	25	4.38	182	19	4.75	202	21	5.25	104	29	5.8	203	26	5.57	456	21	5.25	101	19	4.75
366	000226	Lê Huỳnh Trung Hiếu	12A9	102	11	2.2	123	20	3.5	173	10	2.5	203	15	3.75	103	25	5	203	5	1.07	345	15	3.75	101	8	2
367	000231	Ngô Huy Hoàng	12A9	104	13	2.6	124	21	3.68	173	13	3.25	201	19	4.75	103	10	2	202	18	3.86	234	12	3	201	14	3.5
368	000235	Trần Đức Hùng	12A9	101	10	2	124	19	3.33	173	12	3	201	18	4.5	103	21	4.2	204	19	4.07	234	15	3.75	201	14	3.5
369	000236	Nguyễn Phi Hùng	12A9	103	21	4.2	121	17	2.98	164	2	0.5	203	12	3	102	20	4	203	14	3	345	14	3.5	301	14	3.5
370	000243	Nguyễn Đăng Huy	12A9	101	22	4.4	124	23	4.03	191	13	3.25	201	14	3.5	104	23	4.6	204	14	3	456	18	4.5	401	16	4
371	000256	Nguyễn Thị Tú Linh	12A9	104	25	5	123	29	5.08	182	21	5.25	204	23	5.75	102	28	5.6	203	28	6	456	20	5	101	15	3.75
372	000266	Phan Văn Minh	12A9	102	15	3	122	19	3.33	164	13	3.25	202	16	4	104	23	4.6	203	17	3.64	234	14	3.5	201	18	4.5
373	000269	Hoàng Diễm Thảo My	12A9	101	17	3.4	124	23	4.03	173	21	5.25	203	20	5	101	29	5.8	204	27	5.79	456	20	5	301	15	3.75
374	000271	Nguyễn Thành Nam	12A9	103	15	3	123	22	3.85	173	24	6	201	22	5.5	104	21	4.2	202	24	5.14	456	13	3.25	101	16	4
375	000276	Võ Thị Kim Ngân	12A9	103	21	4.2	122	34	5.95	164	20	5	203	20	5	103	28	5.6	201	26	5.57	345	18	4.5	201	19	4.75
376	000283	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	12A9	102	13	2.6	123	26	4.55	164	21	5.25	201	20	5	102	24	4.8	203	19	4.07	234	18	4.5	201	16	4
377	000285	Phạm Thị Thanh Nhân	12A9	101	15	3	123	23	4.03	191	17	4.25	202	20	5	101	24	4.8	203	17	3.64	345	18	4.5	401	15	3.75
378	000290	Nguyễn Lê Uyên Nhi	12A9	101	13	2.6	121	15	2.63	173	15	3.75	204	21	5.25	102	24	4.8	202	13	2.79	456	14	3.5	301	20	5
379	000292	Võ Phạm Ái Nhi	12A9	104	19	3.8	121	26	4.55	182	22	5.5	202	19	4.75	101	28	5.6	201	28	6	345	17	4.25	401	11	2.75
380	000300	Huỳnh Thị Kim Oanh	12A9	104	21	4.2	122	23	4.03	173	13	3.25	203	19	4.75	103	21	4.2	203	12	2.57	345	12	3	401	14	3.5
381	000312	Lê Nguyễn Hoài Phương	12A9	102	17	3.4	122	18	3.15	164	19	4.75	204	16	4	104	14	2.8	201	16	3.43	456	20	5	201	10	2.5
382	000318	Nguyễn Anh Quốc	12A9	102	24	4.8	121	25	4.38	182	21	5.25	202	18	4.5	102	23	4.6	204	24	5.14	123	16	4	201	18	4.5
383	000322	Lê Hoàng Sơn	12A9	101	19	3.8	123	21	3.68	164	21	5.25	202	22	5.5	102	27	5.4	204	27	5.79	123	16	4	201	17	4.25
384	000329	Lê Hoàng Thẩm	12A9	102	21	4.2	122	22	3.85	191	20	5	204	22	5.5	101	26	5.2	203	23	4.93	345	17	4.25	201	16	4
385	000333	Lê Huỳnh Kim Thanh	12A9	103	16	3.2	124	16	2.8	191	22	5.5	204	19	4.75	104	22	4.4	203	27	5.79	345	20	5	201	14	3.5
386	000340	Huỳnh Văn Thắng	12A9	103	10	2	122	15	2.63	182	8	2	201	12	3	104	19	3.8	204	15	3.21	123	13	3.25	401	14	3.5
387	000343	Võ Hoàng Minh Thiện	12A9	103	18	3.6	121	24	4.2	173	21	5.25	203	17	4.25	101	29	5.8	202	25	5.36	456	21	5.25	301	16	4
388	000353	Hà Thị Thùy	12A9	104	21	4.2	123	22	3.85	191	19	4.75	202	21	5.25	103	26	5.2	204	15	3.21	234	20	5	101	16	4
389	000356	Nguyễn Hoàng Anh Thư	12A9	103	23	4.6	124	19	3.33	182	21	5.25	203	20	5	101	28	5.6	204	23	4.93	234	18	4.5	301	18	4.5
390	000361	Phan Thị Kim Tiên	12A9	101	16	3.2	121	20	3.5	182	13	3.25	202	18	4.5	103	17	3.4	201	26	5.57	456	17	4.25	201	13	3.25
391	000365	Nguyễn Thị Thu Trang	12A9	103	21	4.2	123	23	4.03	164	14	3.5	204	22	5.5	101	24	4.8	203	19	4.07	456	19	4.75	401	14	3.5
392	000367	Võ Thị Thanh Trang	12A9	101	14	2.8	124	15	2.63	173	21	5.25	204	19	4.75	104	25	5	203	13	2.79	123	10	2.5	301	14	3.5
393	000369	Nguyễn Ngọc Trân Trân	12A9	101	14	2.8	124	22	3.85	191	16	4	204	16	4	103	10	2	203	14	3	234	19	4.75	201	15	3.75
394	000371	Hồ Đức Trí	12A9	104	19	3.8	123	26	4.55	182	20	5	202	17	4.25	102	20	4	201	11	2.36	234	14	3.5	101	15	3.75
395	000376	Trương Đức Trung	12A9	102	16	3.2	121	21	3.68	182	20	5	203	22	5.5	102	25	5	202	21	4.5	345	18	4.5	401	20	5
396	000378	Nguyễn Bảo Tú Tú	12A9	102	14	2.8	121	22	3.85	173	11	2.75	201	20	5	101	21	4.2	202	10	2.14	234	11	2.75	101	16	4
397	000380	Nguyễn Trần Anh Tuấn	12A9	103	23	4.6	122	28	4.9	164	13	3.25	204	21	5.25	103	27	5.4	204	24	5.14	345	17	4.25	201	17	4.25

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Toán (Đề thi)	Toán (Số câu)	Toán (Điểm)	Anh (Đề thi)	Anh (Số câu)	Anh (Điểm)	Lý (Đề thi)	Lý (Số câu)	Lý (Điểm)	Hóa (Đề thi)	Hóa (Số câu)	Hóa (Điểm)	Sinh (Đề thi)	Sinh (Số câu)	Sinh (Điểm)	Sử (Đề thi)	Sử (Số câu)	Sử (Điểm)	Địa (Đề thi)	Địa (Số câu)	Địa (Điểm)	GDCD (Đề thi)	GDCD (Số câu)	GDCD (Điểm)
398	000385	Nguyễn Hiếu Tường Vân	12A9	101	23	4.6	124	27	4.73	173	21	5.25	203	22	5.5	101	27	5.4	201	27	5.79	345	17	4.25	101	16	4
399	000386	Hoàng Đại Vĩ	12A9	104	16	3.2	123	21	3.68	164	16	4	201	22	5.5	104	26	5.2	203	25	5.36	123	18	4.5	101	19	4.75
400	000397	Trần Thúy Vy	12A9	101	12	2.4	124	21	3.68	191	16	4	202	18	4.5	103	20	4	204	18	3.86	234	20	5	201	11	2.75
401	000399	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A9	103	13	2.6	121	23	4.03	191	17	4.25	204	20	5	102	25	5	202	17	3.64	123	18	4.5	301	19	4.75
402	000402	Nguyễn Thị Hoàng Yến	12A9	102	16	3.2	124	23	4.03	173	17	4.25	204	18	4.5	102	19	3.8	203	23	4.93	456	17	4.25	301	18	4.5